CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Nhựa Picomat

Ngày 31/12/2025	18,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.2%	**-**	**0.6%**

DT thuần
Q4/25
43.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.50| 20.8%
YoY: ▼23.0| -34.5%

LN thuần
Q4/25
8.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.58| -24.3%
YoY: ▲ 0.57| 7.7%

LN sau thuế
Q4/25
6.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.11| -25.3%
YoY: ▲ 0.56| 10.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
17.8%
YoY: +/-▲ 8.5%

ROE
2025
7.0%
YoY: +/-▲ 2.2%

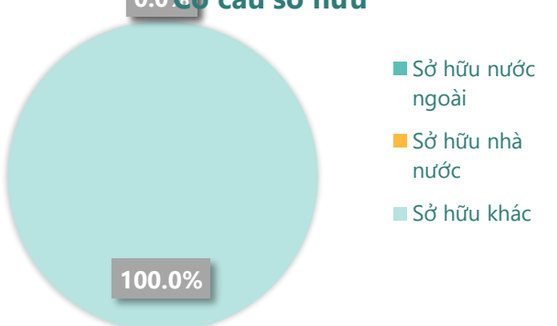
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,095 - 21,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	470
Số lượng CPLH (CP)	25,409,893
KLGD BQ 20 phiên (CP)	97,625
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.07
EPS	749
P/E	24.7

DT thuần
2025
146
tỷ VNĐ
YoY: ▼49.0| -24.9%

LN thuần
2025
25.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.40| 48.3%

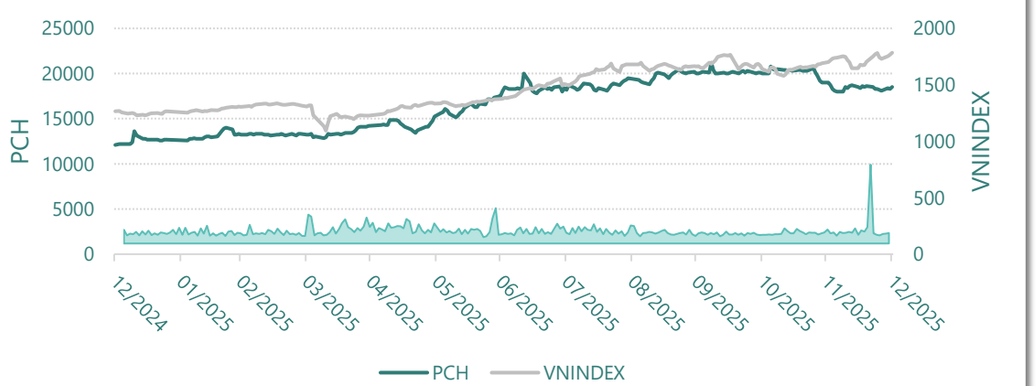
LN sau thuế
2025
19.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.90| 53.6%

Cơ cấu sở hữu

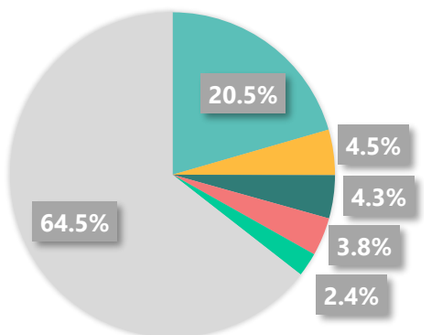


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

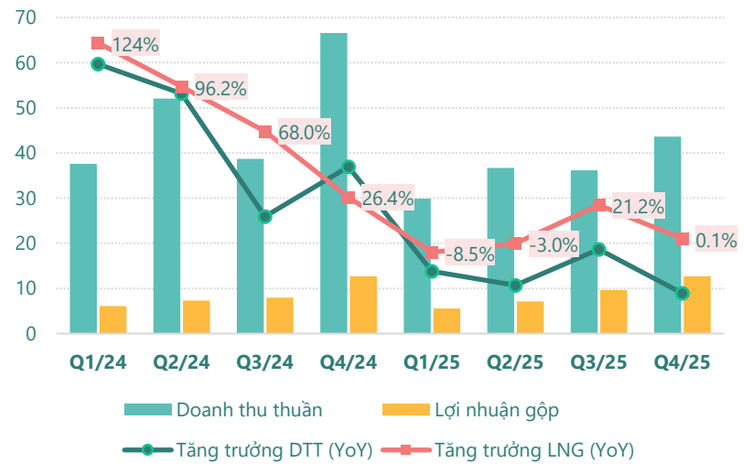


- Đỗ Thanh Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Hải Đăng (Thành viên HĐQT)
- Đỗ Mạnh Tú
- Đào Thị Kim Oanh (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Thu Hằng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

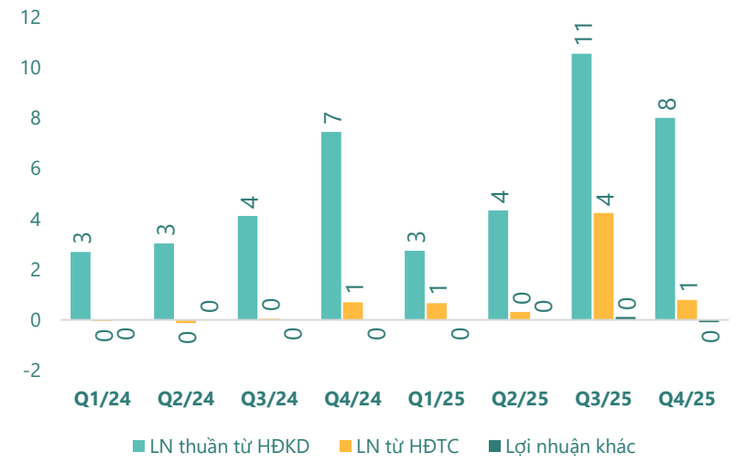
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



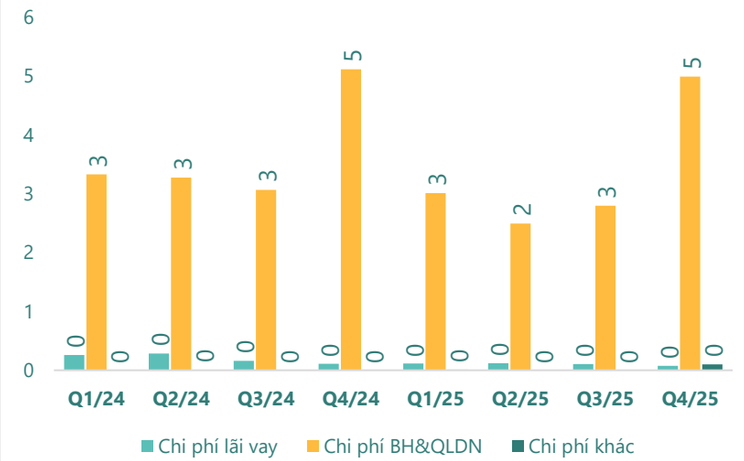
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



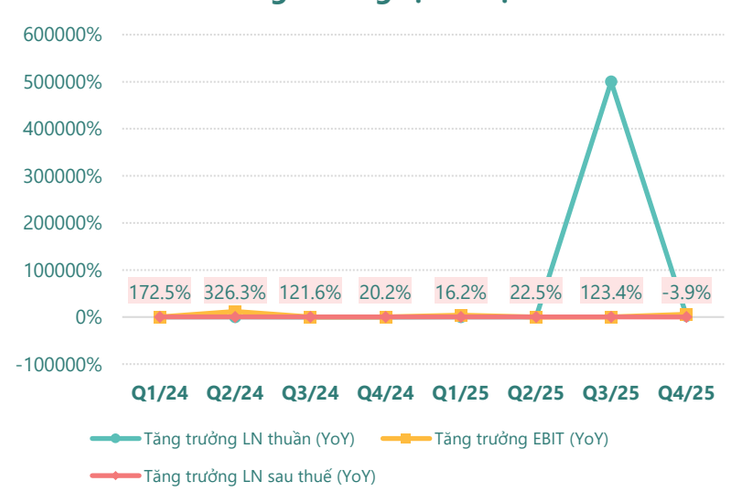
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



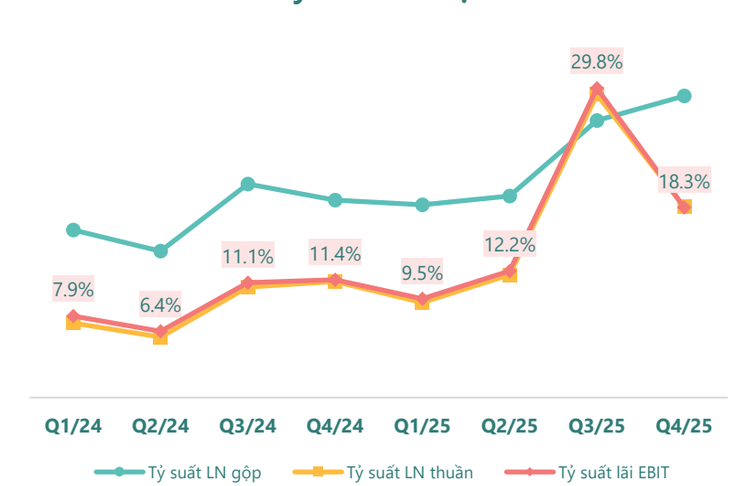
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



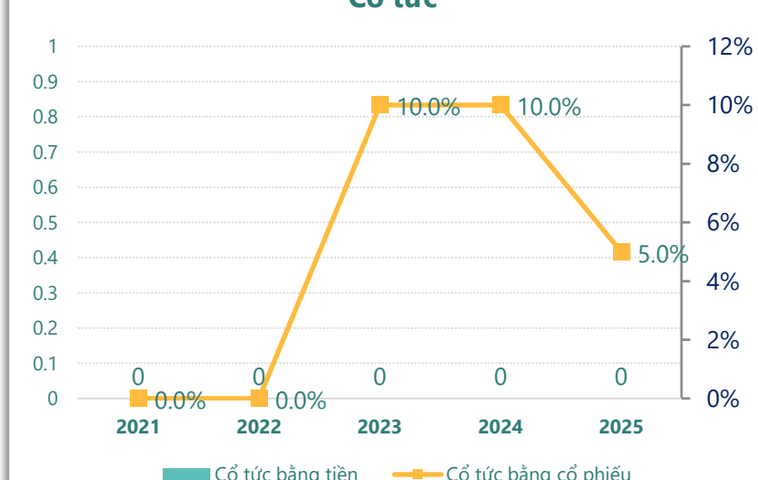
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

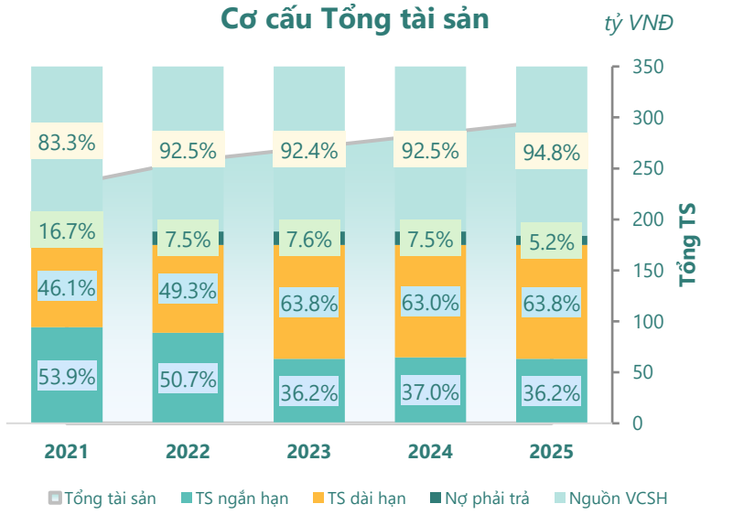
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

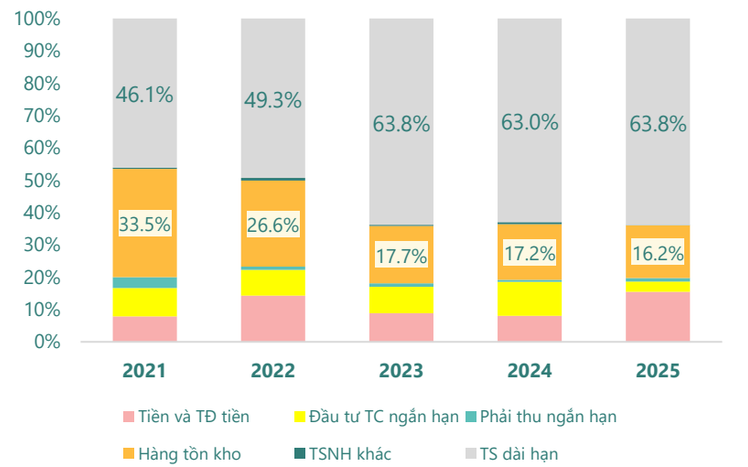
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



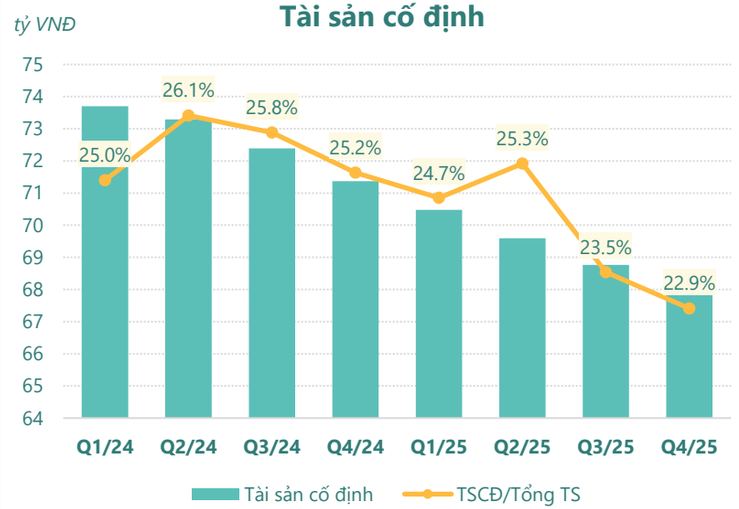
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



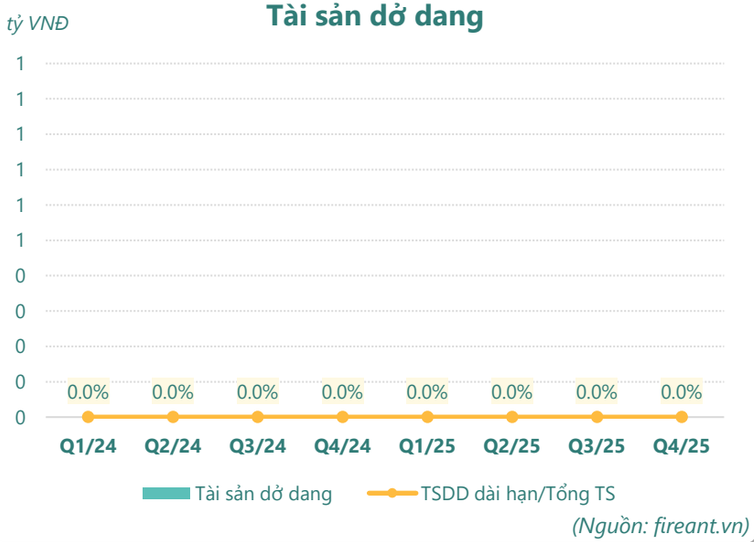
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



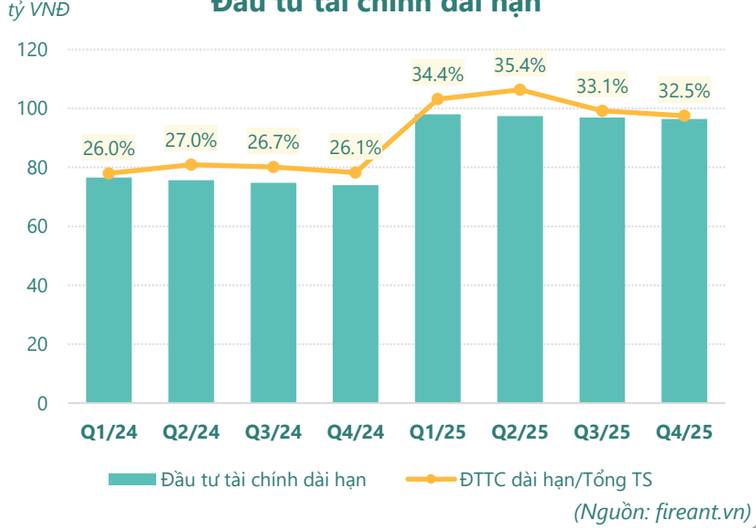
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



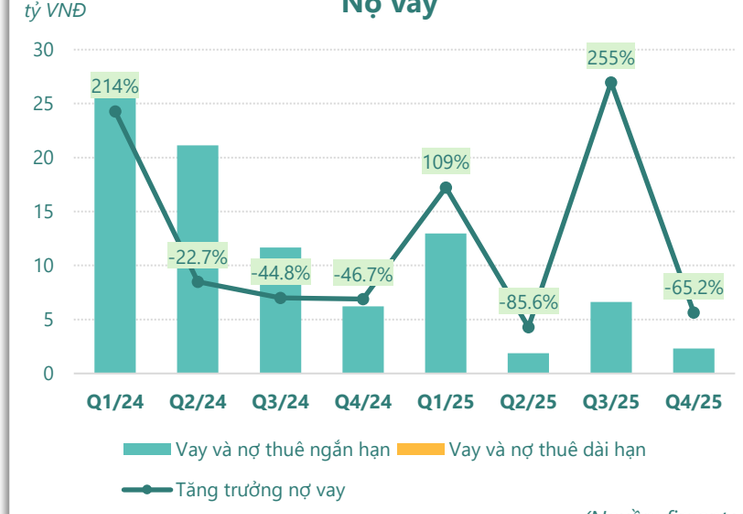
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

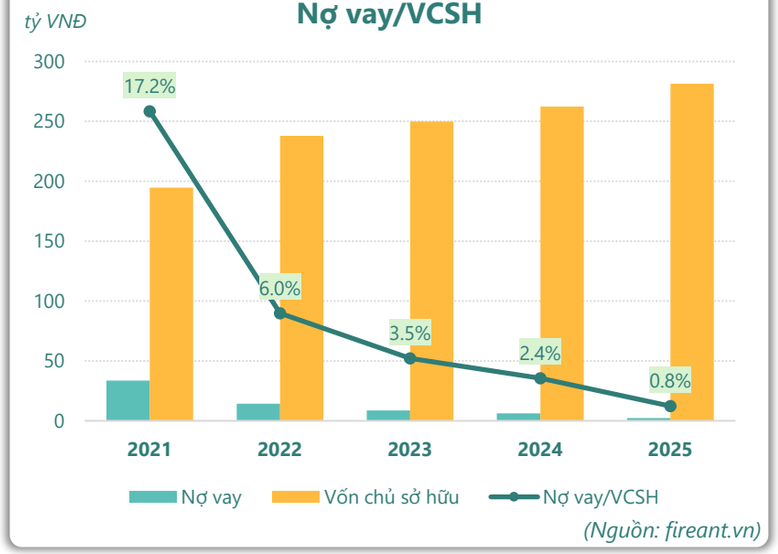
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

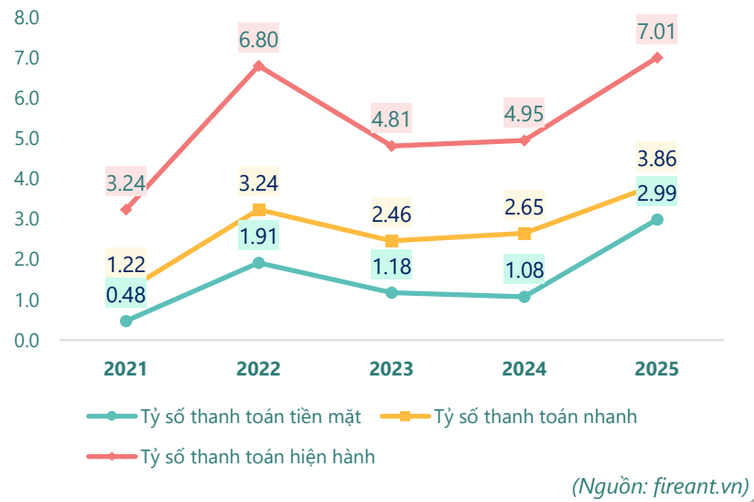
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



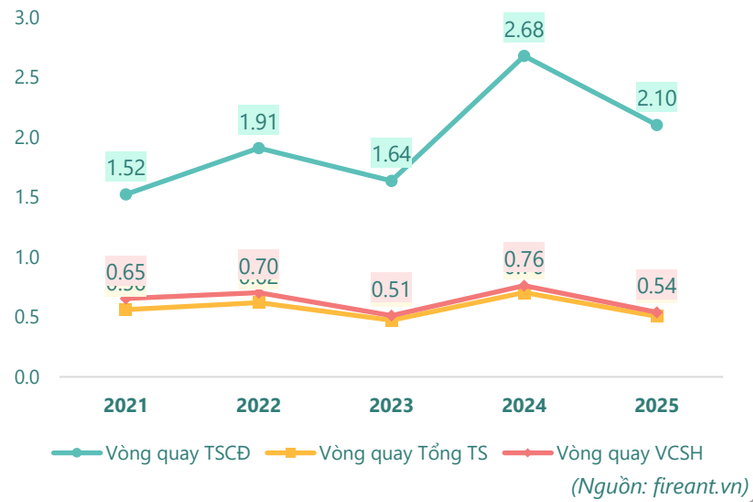
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



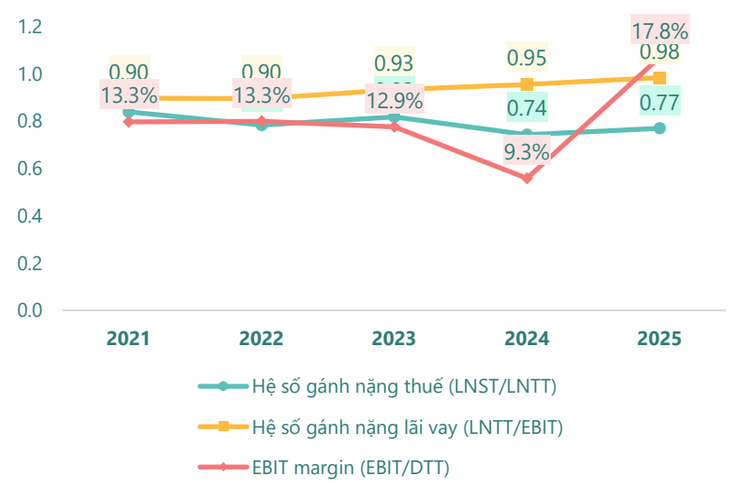
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



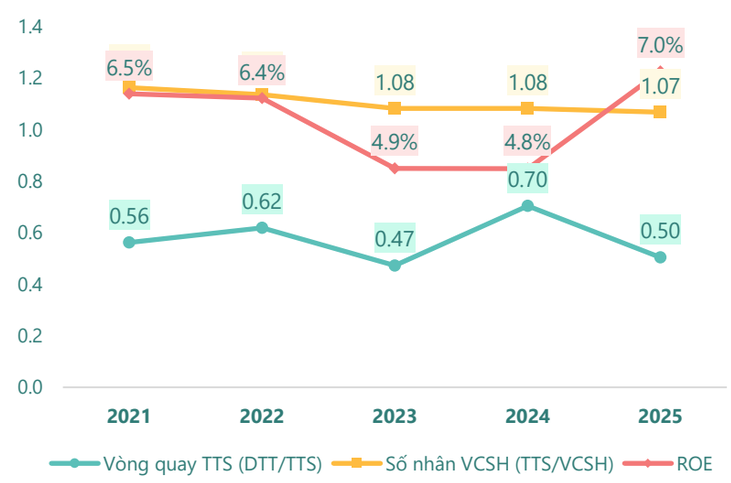
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



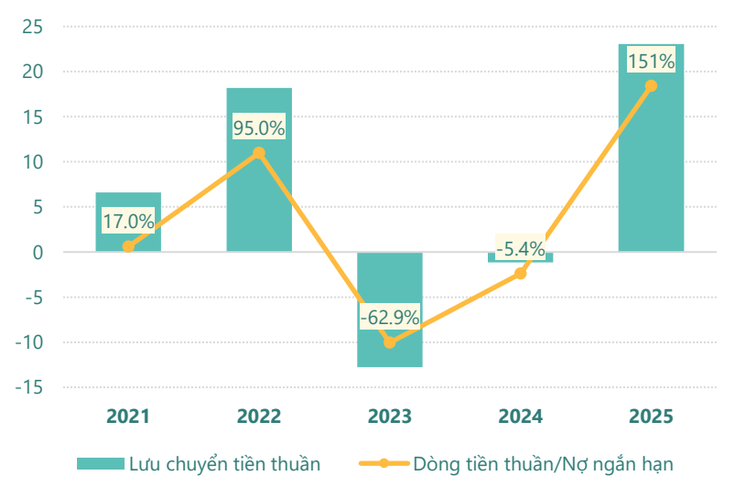
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**43.6**	**66.6**	**-34.5%**	**146**	**195**	**-24.9%**
Giá vốn hàng bán	30.9	53.9	-42.6%	111	161	-30.8%
Lợi nhuận gộp	12.7	12.7	-0.1%	35.0	34.1	2.8%
Doanh thu HĐTC	2.44	0.95	157%	9.46	2.43	289%
Chi phí TC	1.64	0.25	557%	3.44	1.87	84.2%
Chi phí lãi vay	0.07	0.11	-32.4%	0.42	0.82	-49.2%
LN trong công ty LKLD	**-0.47**	**-0.80**	**41.7%**	**-2.08**	**-2.52**	**17.6%**
Chi phí bán hàng	2.90	2.78	4.2%	6.10	6.47	-5.8%
Chi phí QLDN	**2.10**	**2.34**	**-10.3%**	**7.20**	**8.32**	**-13.4%**
LN thuần từ HĐKD	8.02	7.45	7.7%	25.7	17.3	48.3%
Lợi nhuận khác	**-0.10**	**0.00**		**0.02**	**0.00**	**6248%**
LN trước thuế	7.93	7.45	6.4%	25.7	17.3	48.4%
Lợi nhuận sau thuế	**6.21**	**5.65**	**10.0%**	**19.8**	**12.9**	**53.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.92**	**5.44**	**8.9%**	**19.0**	**12.4**	**53.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.3	21.1	-24.6	16.0	23.4	12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.0	1.30	1.75	0.20	1.16	-3.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.48	-5.44	6.75	-11.7	4.75	-4.32
Tiền đầu kỳ	13.0	5.81	22.8	6.67	11.2	40.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.18**	**17.0**	**-16.1**	**4.55**	**29.3**	**5.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.81	22.8	6.67	11.2	40.6	45.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**297**	**284**	**4.6%**
Tài sản ngắn hạn	107	105	2.2%
Tiền và tương đương tiền	45.8	22.8	101%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.42	30.0	-68.6%
Phải thu ngắn hạn	3.39	1.64	107%
Hàng tồn kho	48.2	48.8	-1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	1.81	-76.5%
Tài sản dài hạn	**189**	**179**	**6.0%**
Phải thu dài hạn	8.48	14.1	-39.8%
Tài sản cố định	67.8	71.4	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	96.4	74.0	30.3%
Tài sản dài hạn khác	**8.09**	**8.47**	**-4.5%**
Lợi thế thương mại	8.61	10.8	-20.0%
Nợ phải trả	15.3	21.4	-28.4%
Nợ ngắn hạn	**15.3**	**21.2**	**-27.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.31	6.21	-62.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.44	5.97	-8.9%
Nợ dài hạn	0	0.20	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**281**	**262**	**7.3%**
Vốn chủ sở hữu	**281**	**262**	**7.3%**
Vốn điều lệ	254	242	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)